TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC ----------
Số: 87/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1967

* Bị đơn: Anh Nguyễn Thế B; sinh năm 1961

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

+ Cháu Nguyễn Thị X, sinh ngày 14/12/1987

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Thế B

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Thế B thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Thế B xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị X sinh ngày 14/12/1987 (đã thành niên); cháu Nguyễn Thành Q sinh năm 1990 (đã mất năm 2014). Anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Thế B đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004009 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, trả lại chị T 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng).

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *VKSND thị xã M*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M.*
- *UBND phường D;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Hoàng Tuấn Trọng